

Số: /HD-TT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2016

**HỢP ĐỒNG ĐẶT HÀNG
THỰC HIỆN DỊCH VỤ VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CÔNG CỘNG BẰNG XE BUÝT
NĂM 2016 (CÓ TRỢ GIÁ)**

Tuyến xe buýt đặt hàng: (Số hiệu tuyến:)

Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 33/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XI, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XII, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính Phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;

Căn cứ Nghị định số 171/2013/NĐ-CP ngày 13/11/2013 của Chính Phủ và Nghị định số 107/2014/NĐ-CP ngày 17/11/2014 của Chính Phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 171/2013/NĐ-CP ngày 13/11/2013 của Chính Phủ về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt;

Căn cứ Nghị định số 86/2014/NĐ-CP ngày 10/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;

Căn cứ Thông tư số 56/2011/TT-BGTVT ngày 17/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải (Bộ GTVT) về việc ban hành 06 quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phương tiện cơ giới đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 73/2014/TT-BGTVT ngày 15/12/2014 của Bộ GTVT ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị giám sát hành trình của xe ô tô;

Căn cứ Thông tư số 09/2015/TT-BGTVT ngày 15/04/2015 của Bộ GTVT quy định về cung cấp, quản lý và sử dụng dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình của xe ô tô;

Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BGTVT ngày 15/04/2015 của Bộ GTVT về quy định trách nhiệm và xử lý vi phạm hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;

Căn cứ Thông tư số 91/2015/TT-BGTVT ngày 31/12/2015 của Bộ GTVT về quy định tốc độ và khoảng cách an toàn của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 92/2015/TT-BGTVT ngày 31/12/2015 về quy định lựa chọn đơn vị khai thác vận tải hành khách cố định bằng xe ô tô của Bộ GTVT;

Căn cứ Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ GTVT ban hành quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 60/2015/TT-BGTVT ngày 02/11/2015 của Bộ GTVT ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ

GTVT ban hành quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;

Căn cứ Quyết định số 4196/QĐ-UBND ngày 12/9/1996 của Ủy ban nhân dân (UBND) Thành phố Hồ Chí Minh về việc cho phép thành lập Trung tâm Quản lý và Điều hành vận tải hành khách công cộng (Trung tâm) thuộc Sở Giao thông - Công chánh (nay là Sở Giao thông vận tải).

Căn cứ Quyết định số 76/2009/QĐ-UBND ngày 16/10/2009 và Quyết định số 78/2010/QĐ-UBND ngày 15/11/2010 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành các định mức kinh tế kỹ thuật đối với hoạt động vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt và xe đưa rước học sinh, sinh viên và công nhân trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1914/QĐ-UBND ngày 15/4/2011 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt điều chỉnh phương án đầu thầu, đặt hàng thực hiện và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích trong công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên, sửa chữa hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 23/2012/QĐ-UBND ngày 09/6/2012 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành đơn giá chi phí vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt; xe đưa rước học sinh, sinh viên và công nhân trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 20/2014/QĐ-UBND ngày 30/5/2014 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định tổ chức, quản lý, khai thác, hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 2068/QĐ-SGTVT ngày 30/5/2014 của Sở Giao thông vận tải (Sở GTVT) về ban hành Quy chế quản lý, kiểm soát kinh phí ngân sách nhà nước về trợ giá xe buýt trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh thuộc thẩm quyền của Sở GTVT;

Căn cứ Quyết định số 2315/QĐ-SGTVT ngày 23/8/2011 của Sở GTVT về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm;

Căn cứ Quyết định số 1566/QĐ-SGTVT ngày 16/6/2011 của Sở GTVT về việc ban hành quy định tạm thời về tổ chức quản lý, sử dụng thiết bị giám sát hành trình trên các xe buýt hoạt động trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 751/QĐ-TT ngày 22/10/2007 của Trung tâm về việc ban hành Quy định tạm thời quy chế phối hợp kiểm tra, giám sát hoạt động vận tải hành khách công cộng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 797/QĐ-SGTVT ngày 02/03/2015 của Sở GTVT về việc ban hành quy định Nội quy khai thác tuyến xe buýt trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm 2015 (Nội quy khai thác 2015);

Căn cứ Thông báo số 1012/TBLS/STC-SGTVT ngày 04/03/2016 của Liên Sở Tài chính-Sở Giao thông vận tải về điều chỉnh mức chênh lệch chi phí nhiên liệu trong đơn giá chi phí vận chuyển hành khách bằng xe buýt và xe đưa rước học sinh, sinh viên và công nhân do thay đổi giá nhiên liệu áp dụng từ ngày 20/8/2015 trở đi;

Căn cứ Quyết định số 1023/QĐ-SGTVT ngày 04/3/2016 của Sở GTVT về việc phê duyệt kinh phí đặt hàng cung ứng sản phẩm dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt và vận chuyển công nhân, vận chuyển học sinh-sinh viên trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh năm 2016;

Căn cứ Quyết định số 296/QĐ-TT ngày 04/3/2016 của Trung tâm về việc phê duyệt kinh phí đặt hàng cung ứng sản phẩm dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt và vận

chuyển công nhân, vận chuyển học sinh-sinh viên trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh năm 2016;

Căn cứ Biên bản thương thảo Hợp đồng đặt hàng thực hiện dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt năm 2016 (có trợ giá) được ký kết vào ngày giữa Trung tâm với về mức giá nhận đặt hàng tuyến (số hiệu tuyến).

Hôm nay, tại văn phòng Trung tâm Quản lý và Điều hành vận tải hành khách công cộng TP.HCM, chúng tôi gồm:

BÊN A: Trung Tâm Quản lý và Điều hành vận tải hành khách công cộng

- Đại diện : Ông
- Chức vụ : GIÁM ĐỐC
- Điện thoại : 39.142.585 – 38.224.913 ; Fax : 38.215.969
- Địa chỉ : 102 Ký Con, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TPHCM.
- Tài khoản : 9527.2.3018239 tại kho bạc Nhà nước TPHCM.
- Mã số thuế : 0301464816.

BÊN B: Hợp tác xã vận tải và dịch vụ Đông Nam

- Đại diện :
- Chức vụ :
- Điện thoại :
- Địa chỉ :
- Tài khoản :
- Mã số thuế :

Hai bên cùng thỏa thuận và thống nhất ký kết Hợp đồng đặt hàng thực hiện dịch vụ vận tải khách công cộng bằng xe buýt năm 2016 (sau đây viết tắt là Hợp đồng) trên tuyến xe buýt có trợ giá, (số hiệu tuyến:), theo các điều, khoản sau đây:

Điều 1. Những nguyên tắc chung của Hợp đồng:

1. Hợp đồng này chỉ áp dụng đối với tuyến xe buýt có trợ giá được đặt hàng theo quy định hiện hành;

2. Hai bên thỏa thuận, thống nhất các Quyết định duyệt khung giá vé xe buýt của UBND, Quyết định công bố giá vé xe buýt, Quyết định mở tuyến, các Quyết định điều chỉnh tuyến của Sở GTVT, của bên A ban hành là một bộ phận không thể tách rời Hợp đồng này. Mọi thay đổi các chỉ tiêu, thông số trong các Quyết định trên hai bên cam kết chấp hành và là căn cứ để điều chỉnh giá trị Hợp đồng;

3. Hai bên thỏa thuận, thống nhất Quyết định công bố biểu đồ chạy xe, các Quyết định điều chỉnh biểu đồ giờ của bên A ban hành là một bộ phận không thể tách rời Hợp đồng này. Mọi thay đổi các chỉ tiêu, thông số trong các Quyết định trên mà hai bên cam kết chấp hành là căn cứ để tính chi phí hoạt động của tuyến;

4. Hai bên thỏa thuận, thống nhất Nội quy khai thác tuyến xe buýt ban hành kèm theo Quyết định số 797/QĐ-SGTVT ngày 02/03/2015 của Sở GTVT về việc ban hành quy định

Nội quy khai thác tuyến xe buýt trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và Quy định tạm thời về tổ chức quản lý, sử dụng thiết bị giám sát hành trình trên các xe buýt hoạt động trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; Thông tư số 73/2014/TT-BGTVT ngày 15/12/2014 của Bộ GTVT ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị giám sát hành trình của xe ô tô; Thông tư số 09/2015/TT-BGTVT ngày 15/4/2015 của Bộ GTVT quy định về cung cấp, quản lý và sử dụng dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình của xe ô tô.

Điều 2. Nội dung cung cấp dịch vụ:

1. Lộ trình tuyến:

- Điểm đầu A:
- Điểm cuối B:
- Lộ trình tuyến:
 - + Lướt đi:
 - + Lướt về:
- Đi qua trạm thu phí: Không có
 - + Lướt đi: Xa lộ Hà Nội
 - + Lướt về: Xa lộ Hà Nội

2. Khối lượng vận chuyển:

Khối lượng hành khách vận chuyển: lượt hành khách/năm;
Nhóm xe tính trợ giá: ;
Có máy lạnh/không có máy lạnh: ;
Cự ly hoạt động: Km;
Số chuyến đặt hàng năm: chuyến/năm;
Tổng km vận doanh năm : Km/năm;
Ghi chú: Tổng km vận doanh năm = (số chuyến đặt hàng năm) × (cự ly hoạt động).

3. Cung cấp chất lượng dịch vụ:

a. Phương tiện:

- Đáp ứng các tiêu chuẩn được quy định Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ GTVT về quy định tổ chức và quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ và Thông tư số 60/2015/TT-BGTVT ngày 02/11/2015 của Bộ GTVT về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 63/2014/TT-BGTVT; Thông tư số 73/2014/TT-BGTVT ngày 15/12/2014 của Bộ GTVT về việc ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị giám sát hành trình của xe ô tô (QCVN 31:2014/BGTVT); Nghị định số 86/2014/NĐ-CP ngày 10/9/2014 của Chính Phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô; Quyết định số 20/2014/QĐ-UBND ngày 30/5/2014 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo quy định tổ chức, quản lý, khai thác hoạt động vận tải khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đảm bảo niêm yết thông tin trong và ngoài xe theo quy định tại Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 về quy định tổ chức và quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

b. Yêu cầu về dịch vụ: Đảm bảo theo các tiêu chí về đánh giá chất lượng dịch vụ vận tải hành khách công cộng trên các tuyến xe buýt có trợ giá:

- Xe chạy đúng giờ, đúng lộ trình: Xuất bến đúng thời gian quy định; dừng đón trả khách đúng thời gian quy định tại các điểm dừng; chạy đúng lộ trình. (Đáp ứng các nội dung yêu cầu tại Điều 5. Quy định khi tham gia hoạt động trên tuyến xe buýt – Nội quy khai thác 2015)

- Lái xe an toàn: Không được vượt tốc độ cho phép, vi phạm luật giao thông. (Đáp ứng các nội dung yêu cầu tại Điều 4. Quy định về điều kiện tiêu chuẩn xe buýt; Điều 6. Quy định về đảm bảo an toàn giao thông và Điều 7. Quy định về chất lượng phục vụ – Nội quy khai thác 2015)

- Đảm bảo vệ sinh, mỹ quan trên xe buýt: Có trang bị thùng rác trên xe; Sàn xe, ghế ngồi sạch sẽ; Khi xe hoạt động phải mở máy lạnh và thông tin bên trong xe bằng led (Đáp ứng các nội dung yêu cầu tại Điều 7. Quy định về chất lượng phục vụ – Nội quy khai thác 2015)

- Quan hệ với khách hàng: Phục vụ văn minh, lịch sự. (Đáp ứng các nội dung yêu cầu tại Điều 3. Quy định đối với doanh nghiệp vận tải; Điều 7. Quy định về chất lượng phục vụ và Điều 8. Quy định báo cáo thống kê và bán vé – Nội quy khai thác 2015)

Điều 3. Hình thức Hợp đồng và giá trị hợp đồng đặt hàng:

1. Loại Hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh

2. Giá trị hợp đồng:

Giá trị hợp đồng = Mức trợ giá + Phí cầu đường (nếu có) = đồng/năm.

Trong đó:

Mức trợ giá: đồng/năm (Mức trợ giá được tính theo Quyết định số 23/2012/QĐ-UBND ngày 09/6/2012 của UBND Thành phố về ban hành đơn giá chi phí vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt, xe đưa rước học sinh, sinh viên và công nhân trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; Giá nhiên liệu áp dụng tại thời điểm ngày 04/01/2016 (theo Thông báo liên Sở Tài chính và Sở GTVT số 1012/TBLS/SGTVT-STC ngày 04/3/2016 về việc điều chỉnh mức chênh lệch chi phí nhiên liệu trong đơn giá chi phí vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt và xe đưa rước học sinh, sinh viên và công nhân do thay đổi giá nhiên liệu).

Phí cầu đường (nếu có):

Được thanh toán theo quy định và bên B phải cung cấp đầy đủ chứng từ cho bên A.

Điều 4. Giá trị đặt hàng cụ thể từng tháng trong năm:

Ghi chú:

- Chi phí chuyển = Cự ly $\times$ (đơn giá + chênh lệch nhiên liệu) $\times$ Hệ số K

- Giá trị đặt hàng/chuyển = Giá trị đặt hàng/tháng $\div$ Số chuyến đặt hàng/tháng

- Cột (10): Giá trị đặt hàng dựa trên kinh phí được phê duyệt

Từ ngày	Đến ngày	Cự ly (Km)	Đơn giá (đồng/km)	Chênh lệch nhiên liệu (đồng/km)	Hệ số K	Chi phí chuyển (đồng/chuyến)	Số chuyến đặt hàng/tháng (chuyến)	Chi phí đặt hàng/tháng (đồng)	Doanh thu khoán/tháng (đồng)	Giá trị đặt hàng/tháng (đồng)	Giá trị đặt hàng/chuyển (đồng/chuyến)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	

- Có sự thay đổi về biểu đồ chạy xe trên tuyến, lộ trình tuyến (làm tăng giảm cự ly tuyến) theo yêu cầu của bên A hoặc Sở GTVT vì lý do phân luồng giao thông hoặc để hoàn thiện mạng lưới tuyến xe buýt và công tác tổ chức khai thác trên tuyến;

- Có sự thay đổi giá trị của hệ số điều chỉnh đơn giá K;

- Số chuyến kế hoạch trong ngày thay đổi theo yêu cầu của bên A hoặc theo đề xuất của bên B được bên A chấp thuận;

- Loại xe buýt hoạt động trên tuyến thay đổi theo yêu cầu của bên A hoặc theo đề xuất của bên B được bên A chấp nhận;

- Có thông báo liên Sở Tài chính – Sở GTVT về mức chênh lệch giá nhiên liệu trong đơn giá đồng/km.

2. Điều chỉnh giá Hợp đồng: Trên cơ sở thương thảo giữa 2 bên và giá trị đặt hàng phải thấp hơn hoặc bằng với kinh phí đặt hàng được Sở GTVT phê duyệt. Trường hợp do nhiều yếu tố khách quan dẫn đến giá trị đặt hàng cao hơn so với kinh phí đặt hàng do Sở GTVT phê duyệt thì bên A trình Sở GTVT xem xét điều chỉnh kinh phí.

Điều 6. Lộ trình, địa điểm đón, trả khách, giá vé, thời gian phục vụ trong ngày, thời gian hành trình 1 chuyến xe, giãn cách chạy xe

Bên B có trách nhiệm thực hiện theo đúng nội dung quy định trong các Quyết định công bố, điều chỉnh của Sở GTVT hoặc của bên A.

Điều 7. Phương thức nghiệm thu, thanh toán

1. Nghiệm thu:

a) Hình thức nghiệm thu: Hàng tháng hai bên sẽ tiến hành nghiệm thu kết quả khối lượng thực hiện theo hình thức như sau: Từ ngày làm việc thứ 3 của tháng, hai bên sẽ tiến hành xem xét, đối chiếu khối lượng thực hiện của tháng kể trước thông qua Lệnh vận chuyển, đối chiếu hệ số K, đơn giá, số liệu đặt hàng, số tiền phạt vi phạm Hợp đồng. Sau khi thống nhất các số liệu đối chiếu số chuyến và số hành khách, nhân viên của Trung tâm và doanh nghiệp sẽ ký xác nhận giữa 02 bên thông qua Biên bản ghi nhận về việc kiểm tra đối chiếu và xác nhận sản lượng. Sau 01 ngày kể từ thời điểm đã thống nhất các số liệu, bên B lập bảng tổng hợp quyết toán tiền trợ giá theo mẫu thống nhất gửi về bên A, chậm nhất là ngày làm việc thứ 8 đối với hồ sơ hoàn chỉnh. Biên bản ghi nhận về việc kiểm tra đối chiếu và xác nhận sản lượng là căn cứ để lập bảng tổng hợp quyết toán tiền trợ giá.

b) Nguyên tắc nghiệm thu:

- Không công nhận chuyến đối với các trường hợp sau:

+ Thiếu chữ ký xác nhận chuyến của nhân viên điều hành trong Lệnh vận chuyển.

+ Xe về bến trễ từ 10 phút đến 60 phút so với giờ đến của biểu đồ chạy xe do chủ quan của doanh nghiệp vận tải, trừ các trường hợp do khách quan như kẹt xe, ngập nước do mưa hoặc triều cường, lộ trình tuyến bị thay đổi do phân luồng giao thông đột xuất hoặc điều tiết của lực lượng chức năng;

+ Xe về bến trễ quá 60 phút so với giờ đến của biểu đồ chạy xe nhưng doanh nghiệp vận tải không chứng minh được các trường hợp xảy ra do lỗi khách quan và đặc biệt.

+ Mất Lệnh vận chuyển cả 2 liên (liên trắng và liên hồng);

+ Không đảm bảo tính đầy đủ và hợp lệ của thông tin ghi trên Lệnh vận chuyển: Đầy đủ thông tin ghi bên ngoài nhưng không có con dấu, chữ ký của đơn vị; Có con dấu, chữ ký

của đơn vị nhưng không có các thông tin bên ngoài; Sử dụng con dấu chữ ký; Đóng dấu không chỉ; Con dấu hết hiệu lực;

+ Chuyến được xác định là chuyến ký không;

+ Doanh nghiệp vận tải, doanh nghiệp vận tải liên danh (bên B) hoạt động vượt số chuyến kế hoạch khi chưa có Quyết định hoặc sự đồng ý của bên A;

c) Đối với trường hợp bên B vi phạm Khoản 12 Điều 7 Nội quy khai thác tuyến xe buýt về hành vi "tự ý bỏ chuyến":

- Các trường hợp khách quan xe về cuối bến trễ hơn 10 phút so với giờ đến trong biểu đồ chạy xe. Lái xe, nhân viên phục vụ hoặc nhân viên điều hành bên B phải báo cáo ngay (bằng điện thoại) cho bên A, cụ thể như sau:

+ Đối với các tuyến có nhân viên điều hành của bên A: Lái xe, nhân viên phục vụ hoặc nhân viên điều hành bên B phải báo cáo ngay (bằng điện thoại) cho nhân viên điều hành của bên A tại các đầu cuối bến để phối hợp và phải thực hiện việc ghi nhận vào Lệnh vận chuyển khi kết thúc chuyến;

+ Đối với các tuyến không có nhân viên điều hành của bên A: Lái xe, nhân viên phục vụ, nhân viên điều hành bên B phải báo cáo ngay (bằng điện thoại) về đường dây nóng (Số điện thoại 1022) của bên A để ghi nhận và phải thực hiện việc ghi nhận vào Lệnh vận chuyển khi kết thúc chuyến;

Bên A sẽ kiểm tra xác nhận thông tin. Nếu thông tin không chính xác, không đúng sự thật hoặc bên B không báo cáo kịp thời và ghi nhận theo quy định; bên A sẽ không công nhận chuyến và xử phạt vi phạm Hợp đồng quy định tại Khoản 12 Điều 7 Nội quy khai thác tuyến xe buýt;

- Các trường hợp khách quan xe về cuối bến trễ từ 10 phút trở xuống so với giờ đến trong biểu đồ chạy xe, Bên A vẫn công nhận số chuyến.

- Các trường hợp xe về trễ, những chuyến tiếp sau đó không có xe để quay đầu hoạt động:

+ Trường hợp bên B đã bố trí đủ xe dự phòng tại thời điểm xác lập hành vi bị mất chuyến, nhưng không đủ để hoạt động, bên A sẽ không xử phạt vi phạm Hợp đồng;

+ Trường hợp bên B không bố trí đủ xe dự phòng, bên A sẽ tiến hành lập Biên bản vi phạm để xử phạt vi phạm Hợp đồng hành vi không bố trí đủ xe dự phòng quy định tại Khoản 2 Điều 5 và hành vi tự ý bỏ chuyến theo Khoản 12 Điều 7 Nội quy khai thác tuyến xe buýt.

- Các trường hợp xe hư; xe giải quyết tại nạn giao thông; lái xe, nhân viên phục vụ bị bệnh đột xuất; phương tiện được huy động bởi cơ quan chức năng nên không về bến:

+ Đối với các tuyến có nhân viên điều hành của bên A: Lái xe, nhân viên phục vụ hoặc nhân viên điều hành bên B phải báo cáo ngay (bằng điện thoại) cho nhân viên điều hành của bên A tại các đầu cuối bến để phối hợp và phải thực hiện việc ghi nhận vào Lệnh vận chuyển khi kết thúc chuyến;

+ Đối với các tuyến không có nhân viên điều hành của bên A: Lái xe, nhân viên phục vụ, nhân viên điều hành bên B phải báo cáo ngay (bằng điện thoại) về đường dây nóng (Số điện thoại 1022) của bên A để ghi nhận và phải thực hiện việc ghi nhận vào Lệnh vận chuyển khi kết thúc chuyến;

+ Bên B phải có chứng từ chứng minh như: biên bản có chữ ký, thông tin liên lạc của hành khách trên xe chứng kiến hoặc người dân gần nơi xảy ra sự việc xác nhận tình trạng của

xe hư (mẫu biên bản phải thống nhất phải do bên B biên soạn); giấy tờ xác nhận sửa chữa; giấy tờ xác nhận khi xe gặp tai nạn giao thông, giấy thỏa thuận. Bên A sẽ kiểm tra xác nhận thông tin, các loại chứng từ chứng minh. Nếu thông tin không chính xác, không đúng sự thật hoặc bên B không thông báo kịp thời và ghi nhận theo quy định; bên A sẽ xử phạt vi phạm Hợp đồng quy định tại Khoản 12 Điều 7 Nội quy khai thác tuyến xe buýt; Đồng thời bên A sẽ thống kê biên số xe hư nếu từ 02 lần trở lên trong 01 tháng, bên A sẽ xử phạt bên B vi phạm Hợp đồng quy định tại Khoản 9 Điều 6 Nội quy khai thác tuyến xe buýt và đình chỉ phương tiện 07 (bảy) ngày hoạt động, đồng thời bên B phải khắc phục sửa chữa phương tiện;

- Những trường hợp chủ quan, bên A sẽ không công nhận chuyển và xử phạt vi phạm Hợp đồng hành vi tự ý bỏ chuyển quy định tại Khoản 12 Điều 7 Nội quy khai thác tuyến xe buýt;

d) Nghiệm thu các chuyển xe hoạt động không mở máy lạnh với các trường hợp sau:

+ Chuyển xe được nhân viên điều hành Trung tâm hoặc đơn vị vận tải xác nhận trên Lệnh vận chuyển là xe hư máy lạnh hoặc không mở máy lạnh;

+ Chuyển xe bị nhân viên Đội kiểm tra lập biên bản xe hoạt động không mở máy lạnh (có ghi chú trong Lệnh vận chuyển)

+ Mặt ngoài Lệnh vận chuyển ghi rõ xe hoạt động không máy lạnh;

+ Trường hợp mặt ngoài Lệnh vận chuyển không ghi xe hoạt động có máy lạnh thì các chuyển hoạt động trong Lệnh vận chuyển này được nghiệm thu xe không mở máy lạnh.

e) Việc thuyết minh, xử lý các trường hợp lỗi chủ quan, khách quan để xử phạt vi phạm Hợp đồng được áp dụng theo hướng dẫn của Sở GTVT tại văn bản số 577/SGTCC-VTCN ngày 16/6/2008.

2. Thanh toán:

- Từ ngày 01 đến ngày 05 của mỗi tháng, bên A tạm ứng cho bên B bằng 50% giá trị đặt hàng của tháng được ký kết trong Hợp đồng hoặc phụ lục Hợp đồng điều chỉnh.

- Sau 4 ngày làm việc kể từ ngày bên A nhận được bảng quyết toán do bên B gửi, bên A tiến hành lập thủ tục thanh toán cho bên B số tiền trợ giá còn lại của tháng đã được nghiệm thu, quyết toán (sau khi đã khấu trừ khoản tạm ứng).

- Căn cứ vào Quyết định của tuyến, Trung tâm xác nhận số xe cần hoạt động trên tuyến và chứng từ kế toán (Hóa đơn, biên lai thu phí, phiếu thu) để thanh toán tiền phí cầu đường cho doanh nghiệp vận tải (với điều kiện số xe trên chứng từ kế toán không cao hơn số xe hoạt động trên tuyến).

- Giá trị tạm thời thanh toán cho doanh nghiệp vận tải căn cứ trên số chuyển thực tế mà doanh nghiệp vận tải thực hiện theo Quyết định điều chỉnh của Trung tâm. Sau khi Trung tâm và doanh nghiệp vận tải ký kết phụ lục Hợp đồng đặt hàng thực hiện dịch vụ vận tải khách công cộng bằng xe buýt chính thức Trung tâm sẽ quyết toán lại cho doanh nghiệp vận tải.

a./ Đối với các chuyển xe mà bên B sử dụng phương tiện có đơn giá chi phí thấp hơn đơn giá chi phí của phương tiện quy định trên tuyến khi được sự đồng ý của bên A thì trợ giá được tính như sau:

Mức trợ giá 1 chuyển = trợ giá 1 chuyển được quy định trên tuyến – (đơn giá chi phí 1 km của nhóm xe quy định – đơn giá chi phí 1 km nhóm xe thay thế) × cự ly tuyến × hệ số K của nhóm xe quy định.



Trong đó: Đơn giá chi phí 1 km = đơn giá chuẩn 1 km theo QĐ 23/2012/QĐ-UBND + chênh lệch nhiên liệu (nếu có) tại thời điểm tính toán mức trợ giá đặt hàng.

* Phần chênh lệch chi phí nhiên liệu hoặc chênh lệch đơn giá chuẩn (nếu có) của nhóm xe thay thế = $X1 \times \text{cụ ly tuyến} \times \text{hệ số K}$ của nhóm xe quy định. Trong đó X1 là chênh lệch nhiên liệu hoặc chênh lệch đơn giá chuẩn của nhóm xe thay thế tại thời điểm tính toán.

b./ Đối với các chuyến xe không máy lạnh (chỉ áp dụng trên tuyến có quy định mở máy lạnh) thì trợ giá được tính như sau:

- Áp dụng cho nhóm 2A: Mức trợ giá 1 chuyến = trợ giá 1 chuyến được quy định trên tuyến – (đơn giá chi phí 1 km của nhóm xe 2A – đơn giá chi phí 1 km của nhóm xe 2B) $\times$ cụ ly tuyến $\times$ hệ số K của nhóm 2A.

Trong đó: Đơn giá chi phí 1 km = đơn giá chuẩn 1 km theo QĐ 23/2012/QĐ-UBND + chênh lệch nhiên liệu (nếu có) tại thời điểm tính toán mức trợ giá đặt hàng.

- Áp dụng cho nhóm 3A: Mức trợ giá 1 chuyến = trợ giá 1 chuyến được quy định trên tuyến – (đơn giá chi phí 1 km của nhóm xe 3A – đơn giá chi phí 1 km của nhóm xe 3B) $\times$ cụ ly tuyến $\times$ hệ số K của nhóm 3A

Trong đó: Đơn giá chi phí 1 km = đơn giá chuẩn 1 km theo QĐ 23/2012/QĐ-UBND + chênh lệch nhiên liệu (nếu có) tại thời điểm tính toán mức trợ giá đặt hàng.

- Áp dụng cho các nhóm khác (trừ nhóm 1): Mức trợ giá 1 chuyến = trợ giá 1 chuyến được quy định trên tuyến – (20% $\times$ chi phí vận chuyển 1 chuyến của tuyến).

*** Phần chênh lệch đơn giá chuẩn (đồng/km), chênh lệch chi phí nhiên liệu (đồng/km) được tính như sau:**

- Áp dụng cho nhóm xe 2A: Phần chênh lệch chi phí nhiên liệu hoặc chênh lệch đơn giá chuẩn (nếu có) = $X3 \times \text{cụ ly tuyến} \times \text{hệ số k}$ của nhóm xe quy định. Trong đó X3 là chênh lệch nhiên liệu hoặc chênh lệch đơn giá chuẩn của nhóm xe không máy lạnh 2B tại thời điểm tính toán.

- Áp dụng cho nhóm xe 3A: Phần chênh lệch chi phí nhiên liệu hoặc chênh lệch đơn giá chuẩn (nếu có) = $X4 \times \text{cụ ly tuyến} \times \text{hệ số k}$ của nhóm xe quy định. Trong đó X4 là chênh lệch nhiên liệu hoặc chênh lệch đơn giá chuẩn của nhóm xe không máy lạnh 3B tại thời điểm tính toán.

- Áp dụng cho các nhóm xe khác (trừ nhóm 1): Phần chênh lệch chi phí hoặc chênh lệch nhiên liệu (nếu có) được tính bằng 60% chênh lệch chi phí nhiên liệu hoặc chênh lệch đơn giá chuẩn theo nhóm xe đặt hàng.

Trong trường hợp bên B không lập báo cáo quyết toán, bên A không làm thủ tục thanh toán của tháng đó và bên A sẽ thanh lý Hợp đồng với bên B nếu quyết toán chậm trễ 02 tháng liên tục.

* Việc thực hiện thanh toán theo quy trình và các thành phần hồ sơ chứng từ thanh toán và quyết toán được thực hiện theo quy định của Sở GTVT về ban hành Quy chế quản lý, kiểm soát kinh phí ngân sách nhà nước về trợ giá xe buýt trên địa bàn thành phố thuộc thẩm quyền quản lý của Sở GTVT kể từ ngày có hiệu lực ban hành.

Điều 8. Trách nhiệm và nghĩa vụ của bên A

1. Tạo điều kiện thuận lợi về luồng tuyến, bến bãi, các điểm dừng xe buýt - nhà chờ đón trả khách, thanh quyết toán tiền trợ giá theo đúng quy định để bên B hoạt động có hiệu quả;

2. Kiểm tra điều kiện hoạt động của bên B khi tham gia vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt, kiểm tra tiêu chuẩn xe buýt thường xuyên, định kỳ hoặc đột xuất;
3. Quản lý, điều phối, hướng dẫn và kiểm tra giám sát hoạt động khai thác, chất lượng phục vụ trên tuyến xe buýt do bên B đảm nhận; Quyết định, điều chỉnh biểu đồ chạy xe của tuyến; Đề xuất đóng, mở mới hoặc điều chỉnh tuyến. Đề xuất, thay đổi chủng loại xe hoạt động trên tuyến; Đề xuất tuyến đấu thầu và triển khai kế hoạch đấu thầu đã được Sở GTVT phê duyệt;
4. Căn cứ tình hình thực tế, yêu cầu bên B tăng/giảm chuyển hoặc điều động xe đột xuất để giải tỏa thiếu xe đột biến trên toàn mạng lưới tuyến xe buýt có trợ giá, hoặc thực hiện các nhiệm vụ khác khi cần thiết; Tạm ngưng hoạt động của phương tiện không đảm bảo điều kiện và yêu cầu bên B đình chỉ công tác lái xe và nhân viên phục vụ khi không đảm bảo các tiêu chuẩn quy định của pháp luật, vi phạm về an toàn giao thông có thể gây tai nạn hoặc các quy định đã thỏa thuận trong Hợp đồng này;
5. Kiểm tra, lập biên bản các hành vi vi phạm Hợp đồng của bên B. Được sử dụng các phương tiện khác (quay phim, chụp ảnh, các dữ liệu trên thiết bị giám sát hành trình) để lập biên bản các hành vi vi phạm Hợp đồng một cách công khai, minh bạch; Xử lý các hành vi vi phạm Hợp đồng của bên B được quy định trong Hợp đồng này;
6. Tiếp nhận, kiểm tra, thanh quyết toán tiền trợ giá cho bên B theo quy định; Từ chối thanh quyết toán tiền trợ giá trong trường hợp bên B bị mất Lệnh vận chuyển hoặc các lỗi chủ quan do bên B không bảo quản tốt Lệnh vận chuyển như các trường hợp Lệnh vận chuyển bị xé rách, bị cháy, thấm nước không thể hiện được các thông số trong Lệnh vận chuyển;
7. Tổ chức khảo sát, đo đếm, thống kê kết quả và dự báo nhu cầu đi lại của hành khách trên toàn mạng lưới xe buýt. Tổ chức tư vấn nghiên cứu và đề xuất điều chỉnh luồng tuyến khi có yêu cầu; Tổ chức các kênh thông tin để tuyên truyền vận động nhân dân tham gia đi lại bằng xe buýt; Tổ chức hướng dẫn, giải đáp thắc mắc và trả lời các ý kiến của hành khách đi xe buýt, người dân và các cơ quan ngôn luận thuộc thẩm quyền giải quyết của bên A; Yêu cầu bên B trả lời các kiến nghị, phản ánh, góp ý cho hành khách, người dân, báo, đài và cơ quan thông tin đại chúng liên quan đến tuyến xe buýt do bên B đảm nhận;
8. Tổ chức in, phân phối và kiểm tra Lệnh vận chuyển của bên B;
9. Yêu cầu bên B báo cáo tình hình hoạt động trên tuyến xe buýt theo định kỳ và đột xuất (nếu có yêu cầu của bên A);
10. Xây dựng, trình Sở GTVT ban hành Nội quy khai thác tuyến xe buýt. Xây dựng kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho lái xe, nhân viên phục vụ trên xe buýt, nhân viên điều hành đầu cuối tuyến (sau đây gọi tắt là lái xe, nhân viên phục vụ) của bên B;
11. Thực hiện chức năng cơ quan quản lý Nhà nước, chủ đầu tư các dự án đầu tư xây dựng, sửa chữa cải tạo và quản lý cơ sở kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải công cộng bằng xe buýt, tổ chức duy tu bảo dưỡng hệ thống cơ sở hạ tầng theo qui định. Bảo đảm trạm dừng (nhà chờ, trụ dừng, biển treo) và ô sơn, thông tin tuyến đầy đủ, hợp lý. Công bố kịp thời cho bên B biết khi có sự điều chỉnh;
12. Giải quyết đầy đủ chế độ ưu đãi dành cho hoạt động vận tải hành khách công cộng theo đúng qui định hiện hành;
13. Thông báo danh sách lái xe, nhân viên phục vụ vi phạm từ lần thứ 03 trở đi cho bên B;

- Phối hợp các đơn vị liên quan tổ chức các lớp học lại về nghiệp vụ cho lái xe, nhân viên phục vụ xe buýt vi phạm lần thứ 03 Nội quy khai thác tuyến xe buýt và xác nhận cho các cá nhân này sau khi đã hoàn thành khóa học lại về nghiệp vụ;

14. Thông báo danh sách lái xe, nhân viên phục vụ xe buýt bị sa thải do vi phạm Nội quy khai thác tuyến xe buýt đến các doanh nghiệp vận tải hoạt động xe buýt để không tiếp nhận làm việc.

15. Khai thác dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình của các doanh nghiệp vận tải phục vụ công tác quản lý, kiểm tra, xử lý vi phạm, phục vụ việc hậu kiểm và tổng hợp báo cáo theo quy định.

16. Phối hợp với đơn vị liên quan (nếu có) để tổ chức thực hiện đảm bảo vệ sinh môi trường tại các điểm đầu, điểm cuối tuyến, điểm dừng, nhà chờ, điểm trung chuyển, bãi đỗ xe phục vụ hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

Điều 9. Trách nhiệm và nghĩa vụ của bên B

1. Tổ chức, thực hiện đầy đủ các quy định về vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt theo quy định của Pháp luật, Nội quy khai thác tuyến xe buýt và Hợp đồng đặt hàng thực hiện dịch vụ vận tải khách công cộng bằng xe buýt;

2. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với Nhà nước theo quy định của pháp luật;

3. Chấp hành và phổ biến nội dung Quyết định số 3653/QĐ-UBND ngày 25/7/2005 của UBND thành phố về quy định một số quyền ưu tiên lưu thông của xe buýt khi tham gia vận chuyển hành khách công cộng trên các tuyến xe buýt thuộc địa bàn TP. Hồ Chí Minh; Quy định tạm thời quy chế phối hợp kiểm tra, giám sát hoạt động vận tải hành khách công cộng trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh, những quy định chung của ngành đến tất cả nhân viên của đơn vị và phải tự tổ chức kiểm tra việc thực hiện;

4. Chấp hành chủ trương, kế hoạch đấu thầu tuyến xe buýt của UBND và Sở GTVT; Chấp hành các quy định về đặt hàng cũng như các quy định về vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt;

5. Chấp hành thực hiện nghiêm các quy định về việc lắp đặt, khai thác thông tin từ thiết bị giám sát hành trình của xe theo quy định; Yêu cầu đơn vị cung cấp thiết bị giám sát hành trình cung cấp kịp thời, chính xác các thông tin, dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình cho Trung tâm khi có yêu cầu.

6. Chấp hành thực hiện nghiêm các chỉ tiêu, thông số được quy định trong các Quyết định mở tuyến và điều chỉnh tuyến của Sở GTVT, của bên A; Quyết định công bố biểu đồ chạy xe, các Quyết định điều chỉnh biểu đồ chạy xe của bên A;

7. Chấp hành nghiêm các yêu cầu của bên A trong việc tăng/giảm chuyến, điều xe, điều chuyển hoạt động sang tuyến khác phù hợp với quy hoạch hoặc phục vụ nhu cầu chung của mạng lưới xe buýt và trong những trường hợp đột xuất;

8. Áp dụng các biện pháp để tổ chức, thực hiện đúng biểu đồ chạy xe theo phương án khai thác đã ký kết trong Hợp đồng.

9. Chấp hành nghiêm sự kiểm tra, giám sát của lực lượng kiểm tra bên A và lực lượng khác theo yêu cầu của bên A;

10. Cử nhân viên của đơn vị phối hợp cùng Đội kiểm tra của Trung tâm nhằm giám sát, kiểm tra hoạt động trên tuyến xe buýt có trợ giá theo kế hoạch của bên A;

11. Phối hợp với bên A phát hiện và báo cáo kịp thời cho bên A những hư hỏng, mất mát về cơ sở kết cấu hạ tầng, tình hình an ninh, an toàn trật tự trên tuyến;
12. Giám đốc doanh nghiệp, Chủ nhiệm hợp tác xã chịu trách nhiệm trước pháp luật về bảo đảm an toàn kỹ thuật của phương tiện khi đưa vào hoạt động trên tuyến;
13. Bố trí đúng, đủ về tiêu chuẩn, số lượng, chủng loại và chất lượng phương tiện khi tham gia hoạt động. Thường xuyên kiểm tra, tu bổ, sửa chữa thay đổi những hư hỏng của xe buýt đảm bảo mỹ quan của xe buýt và các thông tin trên xe buýt phải đúng theo quy định. Có đủ số xe dự phòng để kịp thời thay thế những xe đang hoạt động trên tuyến nếu gặp sự cố đột xuất (hư hỏng, tai nạn...). Trường hợp không bảo đảm số lượng xe tham gia hoạt động và xe dự phòng thì phải báo cáo ngay cho bên A để có biện pháp giải quyết kịp thời;
14. Xe hoạt động trên tuyến phải có Lệnh vận chuyển. Hàng ngày nộp báo cáo cho bên A thông qua Lệnh vận chuyển. Nội dung ghi chép bên trong phải rõ ràng, chính xác, đầy đủ, không tẩy xóa và chịu trách nhiệm về tính chính xác của nội dung ghi trong Lệnh vận chuyển. Báo cáo đúng quy định theo định kỳ, đột xuất và theo yêu cầu của bên A; Chịu trách nhiệm về các trường hợp bị mất Lệnh vận chuyển do nhân viên bên B làm mất;
15. Xe tham gia hoạt động buýt phải lắp đặt thiết bị giám sát hành trình theo quy định. Trường hợp, xe buýt chưa lắp đặt thiết bị giám sát hành trình thì không được tham gia hoạt động xe buýt và buộc phải đảm bảo lắp đặt hoàn chỉnh mới được tiếp tục tham gia hoạt động trên các tuyến buýt, ngoại trừ một số trường hợp được cơ quan có thẩm quyền cho phép;
16. Đảm bảo tiêu chuẩn về nhân sự: nhân viên quản lý, nhân viên điều hành, nhân viên thống kê, kế toán... và thực hiện các chế độ báo cáo thống kê theo đúng quy định;
17. Chịu trách nhiệm trước bên A đối với tất cả những hành vi vi phạm của phương tiện, lái xe và nhân viên phục vụ của đơn vị được quy định trong Hợp đồng này, Nội quy khai thác tuyến xe buýt và các quy định về hoạt động vận tải;
18. Khi tuyến dụng mới lái xe buýt, nhân viên phục vụ trên xe buýt phải căn cứ các tiêu chuẩn tại Điều 9 Quyết định số 20/2014/QĐ-UBND ngày 30/5/2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy định tổ chức, quản lý, khai thác hoạt động vận tải hành khách bằng xe buýt trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh để xét tuyển. Sau khi tuyển dụng phải ký Hợp đồng lao động theo đúng quy định của Bộ Luật lao động. Các trường hợp tuyển dụng mới và chấm dứt Hợp đồng lao động đều phải thông báo cho bên A biết. Không tiếp nhận vào làm việc đối với những lái xe, nhân viên phục vụ trên xe buýt nằm trong danh sách do bên A thông báo đã bị chấm dứt quan hệ lao động, bị sa thải từ các doanh nghiệp khác vì vi phạm quy định về hoạt động xe buýt. Không được bố trí lái xe, nhân viên phục vụ trên xe buýt chưa qua đào tạo và không đảm bảo sức khỏe theo quy định. Trường hợp do khách quan như chưa có lớp đào tạo, bên B phải báo cáo danh sách nhân viên phục vụ trên xe buýt cho bên A biết để không xử lý các trường hợp này;
- Đối với những trường hợp đã được nhận vào làm chính thức hoặc chấm dứt Hợp đồng lao động do Người lao động cố tình vi phạm buộc phải thôi việc thì đơn vị vận tải phải thông báo cho bên A (Trung tâm) biết để theo dõi, còn những trường hợp chấm dứt Hợp đồng lao động do điều kiện khách quan mà đơn vị và Người lao động cùng thỏa thuận thống nhất thì không cần phải thông báo.
19. Phải đăng ký mẫu thẻ tên và đồng phục của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe với Sở GTVT có tuyến xe buýt nơi doanh nghiệp, hợp tác xã đặt trụ sở chính hoặc trụ sở chi nhánh. Cấp đồng phục và thẻ tên cho lái xe, nhân viên phục vụ trên xe; thẻ tên phải được dán ảnh, ghi rõ họ tên đơn vị quản lý.

20. Tổ chức tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ vận tải hành khách, an toàn giao thông và đạo đức nghề nghiệp cho lái xe, nhân viên phục vụ trên xe theo chương trình khung do Tổng cục đường bộ Việt Nam ban hành.

21. Tuyên truyền, phổ biến và thường xuyên kiểm tra, nhắc nhở các lái xe, nhân viên phục vụ: Thực hiện nghiêm chỉnh nội dung các quy định của Pháp luật và các quy định về tiêu chuẩn lái xe buýt và nhân viên phục vụ đã ban hành; phải có trách nhiệm bán vé cho hành khách đi xe buýt, đối xử bình đẳng đối với hành khách có sử dụng vé bán trước và những trường hợp được miễn vé theo quy định; giữ gìn vệ sinh, trật tự tại các vị trí trạm dừng - nhà chờ xe;

22. Phải thực hiện chế độ khám sức khỏe định kỳ đối với lái xe, nhân viên phục vụ trên xe theo quy định;

23. Phổ biến, hướng dẫn và thường xuyên kiểm tra, nhắc nhở các lái xe, nhân viên phục vụ: Thực hiện nghiêm chỉnh quy định “Hành khách lên cửa trước, xuống cửa sau” (trừ các trường hợp hành khách được ưu tiên là người cao tuổi, trẻ em, phụ nữ có thai, thương binh và người khuyết tật);

24. Đình chỉ lái xe, nhân viên phục vụ xe buýt vi phạm Nội quy khai thác tuyến xe buýt theo thông báo của bên A và bố trí các cá nhân này học lại lớp nghiệp vụ, kinh phí học lại do bên B tự trang trải. Nhân viên vi phạm chỉ được trở lại công tác sau khi có thông báo của bên A;

- Ban hành Quyết định sa thải đối với lái xe, nhân viên phục vụ vi phạm Nội quy khai thác tuyến xe buýt theo thông báo của bên A;

- Đình chỉ có thời hạn các xe buýt vi phạm cùng một hành vi từ lần thứ 03 trở đi theo thông báo của bên A;

25. Khi có thông tin phản ánh qua các phương tiện thông tin báo, đài, người dân, đường dây nóng... liên quan đến hoạt động khai thác tuyến xe buýt của đơn vị mình quản lý thì đơn vị phải trả lời trong thời hạn 07 ngày làm việc (trường hợp cần gia hạn để xác minh thêm thì phải có văn bản đồng ý gia hạn việc trả lời của bên A, thời gian gia hạn thêm tối đa 03 ngày làm việc) và gửi báo cáo về bên A và Sở GTVT (gửi phần nơi nhận);

Chịu trách nhiệm xác minh, giải quyết và trả lời các kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, các ý kiến đóng góp của hành khách, người dân và các cơ quan ngôn luận do bên A chuyển đến. Báo cáo kết quả giải quyết, xử lý, xác minh về bên A theo đúng thời gian quy định; bên B chịu trách nhiệm bảo mật thông tin cho hành khách khi phản ánh các hành vi vi phạm của lái xe và nhân viên phục vụ; Được quyền từ chối trả lời những phản ánh, Biên bản không có thông tin rõ ràng;

26. Phản ánh kịp thời, chính xác các hành vi vi phạm trong khi thừa hành công vụ của cán bộ, nhân viên bên A để bên A xử lý;

27. Có quyền đề xuất với bên A biểu đồ chạy xe, lộ trình tuyến khi xin mở tuyến mới, đề xuất với bên A điều chỉnh các chỉ tiêu, thông số trong Quyết định mở tuyến và điều chỉnh tuyến của Sở GTVT, của bên A. Đề xuất điều chỉnh biểu đồ chạy xe, đề nghị thay thế các phương tiện, cơ sở kết cấu hạ tầng trên tuyến để đảm bảo hiệu quả hoạt động tuyến;

28. Được phép chạy theo lộ trình theo phương án chống kẹt xe hoặc các trường hợp ngoại lệ khác được bên A chấp thuận và có báo cáo trong Lệnh vận chuyển;

29. Khi hành khách sử dụng vé không hợp lệ, thẻ miễn phí chưa đúng quy định thì yêu cầu hành khách mua vé lượt và lập biên bản thu hồi hoặc yêu cầu, hướng dẫn hành khách về đầu – cuối tuyến tiến hành lập biên bản thu hồi để nộp cho bên A;

30. Được phép từ chối đón trả khách tại các trạm dừng không hợp lý sau khi thông báo cho bên A sau 10 ngày làm việc mà bên A không phản hồi; Được từ chối không vận chuyển hành khách và hàng hóa trong các trường hợp sau:

- Hành khách không chấp hành mua vé theo quy định, không xuất trình vé khi có yêu cầu kiểm tra hoặc sử dụng vé bán trước hoặc thẻ miễn vé đã hết hạn sử dụng, trừ những trường hợp đã được bên A hướng dẫn gia hạn;

- Hành khách không chấp hành hướng dẫn của lái xe, nhân viên phục vụ để thực hiện đúng nội quy xe buýt được niêm yết trên xe, say rượu, gây rối làm mất an ninh trật tự trên xe;

- Những loại hàng hóa bị cấm theo quy định của Pháp luật, hàng công kênh, hàng gây ô nhiễm, các loại súc vật, các chất gây cháy nổ...;

- Xe đã đầy khách (trên xe có đủ hành khách theo sức chứa quy định của xe). Trong trường hợp này xe phải dừng lại tại trạm dừng - nhà chờ, đồng thời lái xe hoặc nhân viên phục vụ thông báo cho hành khách biết và có biển báo "XE ĐẦY KHÁCH" hoặc biển báo "XE KHÔNG RƯỚC KHÁCH" đặt ở bên dưới mặt trước kính xe.

31. Phải đăng ký chất lượng về dịch vụ vận tải theo quy định tại Khoản 5 Điều 4 của Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức và quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô.

32. Phải có trách nhiệm bố trí thiết bị, công cụ và nhân viên để trợ giúp hành khách là người khuyết tật lên, xuống phương tiện giao thông thuận tiện. Phương án trợ giúp phải được thông báo tại các nhà ga, bến đón, trả hành khách ở những nơi dễ thấy.

33. Có trách nhiệm đầu tư phương tiện đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật về giao thông tiếp cận theo đúng lộ trình quy định do Sở GTVT hướng dẫn và quy định; Thực hiện việc rà soát, thống kê đánh giá thực trạng xe buýt chưa bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật về giao thông tiếp cận, xây dựng kế hoạch trang bị, cải tạo phương tiện giao thông công cộng bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật về giao thông tiếp cận thuộc trách nhiệm quản lý của doanh nghiệp vận tải.

34. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và bên A về tính trung thực, chính xác, hợp pháp, hợp lệ của hồ sơ, chứng từ, thanh, quyết toán tiền trợ giá xe buýt.

Điều 10. Trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng

Hai bên thỏa thuận, cam kết và thống nhất mức xử phạt và các biện pháp phạt bổ sung khác, đối với các hành vi vi phạm Hợp đồng quy định trong Nội quy khai thác tuyến xe buýt ban hành kèm theo Quyết định số 797/QĐ-SGTVT ngày 02/3/2015 của Sở GTVT cụ thể như sau:

1. Mức phạt do vi phạm Hợp đồng:

Tất cả các hành vi vi phạm Nội quy khai thác tuyến xe buýt đều bị xử phạt do vi phạm Hợp đồng. Mức xử phạt cụ thể được quy định chi tiết tại phụ lục đính kèm theo Hợp đồng này.

2. Xử phạt bên B có lái xe, nhân viên phục vụ vi phạm qua phản ánh của các phương tiện thông tin, báo, đài, người dân, đường dây nóng, website, giám sát trên phần mềm quản lý thiết bị giám sát hành trình, Lệnh vận chuyển:

Tất cả các hành vi vi phạm Nội quy khai thác tuyến xe buýt bị phát hiện qua phản ánh của các phương tiện thông tin, báo, đài, người dân, đường dây nóng, website, các trường hợp ghi nhận từ cán bộ viên chức, công chức thực hiện kiểm tra giám sát theo chỉ đạo của Giám đốc bên A và chỉ đạo của lãnh đạo Sở GTVT, nếu xác minh là đúng sự thật, đều bị coi là vi phạm và đều bị xử phạt. Mức xử phạt tương ứng với các hành vi vi phạm được quy định tại các điểm trong Khoản 1 điều này. Ngoài ra, đối với các hành vi vi phạm Nội quy khai thác tuyến xe buýt được phát hiện trên phần mềm quản lý thiết bị giám sát hành trình cũng được xem là vi phạm và bị xử phạt.

3. Xử phạt bên B có lái xe, nhân viên phục vụ vi phạm bị phát hiện qua quay phim, chụp ảnh:

a) Các hành vi vi phạm được quy định tại các Khoản 5, 6, 7 Điều 4; Khoản 7 Điều 5; các Khoản 1, 2, 3, 4, 7, 8, 9 Điều 6; các Khoản 1, 10, 11, 14, 15, 16 Điều 7 Nội quy khai thác tuyến xe buýt khi bị phát hiện qua quay phim, chụp ảnh, thì đều bị coi là vi phạm và đều bị xử phạt. Mức xử phạt tương ứng với các hành vi vi phạm được quy định tại các Khoản 1, 2 điều này;

b) Các hình ảnh căn cứ để xử phạt vi phạm Hợp đồng phải rõ ràng, khách quan, trung thực, thể hiện rõ thời gian (giờ, ngày, tháng, năm), số xe, bối cảnh xung quanh. Không sử dụng các hình ảnh bị mờ, chấp vá, không thể xác định hành vi vi phạm bằng mắt thường để xử phạt vi phạm Hợp đồng.

4. Xử phạt bên B về vi phạm tự ý bỏ chuyến:

Bên A sẽ căn cứ kết quả nghiệm thu đối chiếu số chuyến thực hiện so với số chuyến kế hoạch (Biên bản nghiệm thu đối chiếu được ký kết giữa Trung tâm và doanh nghiệp vận tải) để xử lý vi phạm tự ý bỏ chuyến.

5. Xử lý bên A vi phạm Hợp đồng:

Cán bộ, viên chức – lao động bên A có hành vi vi phạm như lợi dụng chức vụ, quyền hạn để vụ lợi, sách nhiễu gây phiền hà cho bên B thì tùy theo tính chất mức độ của hành vi mà bị xử lý theo quy định của pháp luật, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật, cụ thể đối với các trường hợp vi phạm như sau:

a) Đối với nhân viên điều hành đầu cuối tuyến nếu có hành vi vi phạm sách nhiễu gây phiền hà cho bên B, xác nhận không số chuyến, bỏ trực, đi muộn về sớm mà không có lý do chính đáng, làm mất Lệnh vận chuyển;

b) Đối với nhân viên Đội kiểm tra, nhân viên tại các bến, bãi, Ga hành khách xe buýt, nếu có hành vi vi phạm lợi dụng quyền hạn để vụ lợi, sách nhiễu gây phiền hà cho bên B, xử lý không kịp thời, triệt để các hành vi vi phạm, bỏ ca trực;

c) Đối với nhân viên kiểm tra đối chiếu sản lượng nếu có hành vi vi phạm sách nhiễu gây phiền hà cho bên B, xác nhận không số chuyến, sản lượng, thực hiện không đúng quy trình đối chiếu sản lượng, làm mất Lệnh vận chuyển;

d) Đối với nhân viên kế toán bên A nếu có hành vi vi phạm sách nhiễu gây phiền hà cho bên B, thực hiện không đúng quy trình thanh quyết toán tiền trợ giá cho bên B theo quy định;

e) Đối với nhân viên Tổ xử lý vi phạm bên A nếu có hành vi vi phạm sách nhiễu gây phiền hà cho bên B, xử lý không đúng theo quy định.

Điều 11. Trình tự, thủ tục xử lý vi phạm Hợp đồng:

1. Thẩm quyền:

a) Những người có thẩm quyền do Giám đốc bên A giao nhiệm vụ kiểm tra có quyền kiểm tra, giám sát, quay phim, chụp ảnh, lập Biên bản các hành vi vi phạm Hợp đồng của bên B;

b) Giám đốc, chủ nhiệm bên B có quyền yêu cầu (bằng văn bản) Giám đốc bên A xử lý vi phạm Hợp đồng của bên A quy định tại Khoản 4 Điều 10 Hợp đồng này;

c) Giám đốc bên A hoặc người được ủy quyền theo quy định có quyền ban hành Quyết định xử lý, xử phạt các hành vi vi phạm Hợp đồng.

2. Lập Biên bản:

a) Khi phát hiện hành vi vi phạm Hợp đồng, người có thẩm quyền được giao nhiệm vụ phải kịp thời lập biên bản hoặc ghi hình để làm chứng cứ xử phạt vi phạm hợp đồng theo đúng quy định.

b) Trong Biên bản phải ghi rõ ngày, tháng, năm, địa điểm lập Biên bản; họ tên, chức vụ người lập Biên bản; họ tên, địa chỉ, nghề nghiệp người vi phạm hoặc tên doanh nghiệp vận tải vi phạm; nội dung vi phạm; điều, khoản vi phạm; giờ, ngày, tháng, năm vi phạm; địa điểm xảy ra vi phạm; ý kiến của người vi phạm, người làm chứng (nếu có). Bên A sẽ ghi nhận thông tin của người làm chứng (người làm chứng, chỉ ghi tên vào trong Biên bản), khi bên B có yêu cầu, bên A sẽ cung cấp gửi về cho bên B biết;

c) Biên bản phải được người lập Biên bản và người vi phạm cùng ký tên, nếu có người làm chứng thì họ cùng ký vào Biên bản. Nếu người làm chứng từ chối ký vào Biên bản thì người lập Biên bản yêu cầu ghi rõ lý do vào trong Biên bản;

d) Đối với các trường hợp vi phạm quy định tại Khoản 3 Điều 10 Hợp đồng thì được tiến hành như sau :

- Quay phim, chụp ảnh đồng thời tiến hành lập Biên bản;
- Xử lý hình ảnh ghi nhận được, tiến hành xử lý vi phạm (kèm theo Biên bản và hình ảnh);

đ) Biên bản lập xong phải được giao cho người vi phạm một bản.

3. Thông báo, ban hành Quyết định xử phạt:

a) Sau khi lập Biên bản (chưa giao Biên bản cho đối tượng vi phạm), trong vòng 05 ngày làm việc (kể từ ngày lập Biên bản) bên A chuyển Biên bản (liên đỏ) cho bên B, thời gian xác minh của bên B tối đa không quá 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Biên bản (hoặc căn cứ theo dấu bưu điện) căn cứ vào xác minh của bên B, bên A ban hành Quyết định xử phạt hoặc không xử phạt và chuyển cho bên B trong thời gian không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản xác minh của bên B (hoặc căn cứ theo dấu bưu điện). Đối với trường hợp có những tình tiết phức tạp (Trung tâm nhận được văn bản của đơn vị) thì thời gian gia hạn thêm cho bên B để xác minh tối đa là 03 ngày. Đối với những trường hợp vi phạm bị lập Biên bản trực tiếp hoặc vi phạm bị ghi nhận qua hình ảnh thì thời gian cho phép bên B xác minh không quá 05 ngày kể từ ngày bên B nhận được Biên bản;

b) Các trường hợp phản ánh trên các phương tiện thông tin, báo, đài, của người dân, qua đường dây nóng, website và trường hợp vi phạm Nội quy khai thác tuyến xe buýt được phát hiện trên phần mềm quản lý thiết bị giám sát hành trình: thời gian bên A gửi phiếu chuyển hoặc thông báo cho bên B tối đa là 07 ngày làm việc kể từ ngày bên A nhận phản ánh hoặc phát hiện trên phần mềm quản lý thiết bị giám sát hành trình. Trong vòng 07 ngày làm việc kể

từ ngày bên B nhận được phiếu chuyển hoặc thông báo của bên A theo dấu bưu điện (hoặc nhận trực tiếp từ bên A) phải xác minh và có văn bản trả lời cho bên A;

Đối với các trường hợp có những tình tiết phức tạp cần có thời gian xác minh, thu thập chứng cứ thì bên B phải có đề nghị gia hạn bằng văn bản, thời hạn gia hạn tối đa là 03 ngày làm việc;

Khi nhận được ý kiến bằng văn bản từ bên B, trong vòng 03 ngày làm việc bên A phải có ý kiến bằng văn bản.

c) Đối với vi phạm tự ý bỏ chuyến: Sau khi có biên bản xác nhận số liệu giữa Trung tâm với doanh nghiệp vận tải, bên A sẽ thông báo đến cho bên B về vi phạm tự ý bỏ chuyến trong vòng 07 ngày kể từ ngày ký biên bản đối chiếu. Trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được phiếu chuyển hoặc thông báo của bên A theo dấu bưu điện (hoặc nhận trực tiếp từ bên A), bên B có văn bản trả lời cho bên A (đính kèm các hồ sơ chứng minh các chuyến không thực hiện do yếu tố khách quan) để xem xét xử lý. Sau thời gian trên, các hồ sơ chứng minh do bên B cung cấp sẽ không được xem xét;

d) Quyết định xử phạt có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành, trừ trường hợp trong Quyết định có quy định ngày có hiệu lực khác;

e) Quyết định xử phạt được gửi cho bên B.

4. Khiếu nại:

Bên B có quyền khiếu nại (bằng văn bản) đối với các trường hợp do bên A thông báo liên quan đến các hành vi vi phạm Hợp đồng của mình nếu nhận thấy không đúng. Thời gian khiếu nại trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Quyết định xử phạt do bên A gửi bằng đường bưu điện.

5. Thu, nộp tiền phạt:

Bên B vi phạm Hợp đồng bị phạt tiền thì phải nộp tiền phạt. Việc thu, nộp tiền xử phạt của cá nhân, doanh nghiệp vận tải hai bên thống nhất thực hiện theo quy định tại văn bản số 5698/TC-ĐTSC ngày 08/8/2005 của Sở Tài chính.

Điều 12. Sửa đổi, chấm dứt và thanh lý Hợp đồng

1. Sửa đổi, bổ sung Hợp đồng

Trong quá trình thực hiện, nếu có khối lượng công việc bổ sung ngoài phạm vi Hợp đồng đã ký phát sinh hai bên sẽ tiến hành thương lượng để điều chỉnh sửa đổi, bổ sung nội dung bản Hợp đồng này cho phù hợp với tình hình thực tế. Những nội dung sửa đổi, bổ sung nội dung bản Hợp đồng này được thể hiện bằng phụ lục Hợp đồng.

2. Chấm dứt Hợp đồng

Hợp đồng chấm dứt hiệu lực tại thời điểm quy định trong Quyết định ngưng hoạt động tuyến xe buýt, hoặc Quyết định chuyển giao tuyến của Sở GTVT, của bên A hoặc kể từ ngày đơn vị trúng thầu tuyến xe buýt ký Hợp đồng thực hiện thầu.

3. Thanh lý Hợp đồng

a) Đối với trường hợp có Quyết định ngưng hoạt động tuyến của Sở GTVT, của bên A:

Bên A sẽ thông báo cho bên B biết và bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện Hợp đồng cho đến thời điểm được nêu trong quyết định; bên A sẽ tiến hành nghiệm thu và thanh quyết toán cho bên B sau 15 ngày làm việc kể từ ngày chấm dứt Hợp đồng và hai bên cùng tiến hành thủ tục thanh lý Hợp đồng đặt hàng;

b) Đối với trường hợp một trong hai bên vi phạm Hợp đồng:

Trường hợp bên B vi phạm Hợp đồng: bên A sẽ thông báo cho bên B biết và bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện Hợp đồng cho đến khi đơn vị khác đảm nhận thực hiện; Bên A sẽ tiến hành nghiệm thu và thanh quyết toán cho bên B sau 15 ngày làm việc kể từ ngày chấm dứt Hợp đồng và hai bên cùng tiến hành thủ tục thanh lý Hợp đồng đặt hàng. Mọi thiệt hại do vi phạm Hợp đồng gây ra bên vi phạm phải chịu trách nhiệm bồi thường;

c) Đối với trường hợp bất khả kháng, tuyến phải ngưng hoạt động khi có yêu cầu đột xuất bằng văn bản của UBND thành phố, Bộ Giao thông vận tải hoặc Sở GTVT:

Bên A sẽ thông báo cho bên B biết và bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện Hợp đồng cho đến khi thời hạn chấm dứt Hợp đồng có hiệu lực được quy định tại Khoản 2 Điều 13. Bên A sẽ tiến hành nghiệm thu và thanh quyết toán cho bên B sau 15 ngày làm việc kể từ ngày chấm dứt Hợp đồng và hai bên cùng tiến hành thủ tục thanh lý Hợp đồng đặt hàng;

d) Đối với trường hợp bên B đơn phương chấm dứt Hợp đồng:

Bên B phải thông báo (bằng văn bản) ngày ngưng hoạt động cho bên A biết trước 30 ngày kể từ ngày bên A nhận được văn bản của bên B. Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện Hợp đồng cho đến khi đơn vị khác đảm nhận thực hiện; Bên A sẽ tiến hành nghiệm thu và thanh quyết toán cho bên B sau 15 ngày làm việc kể từ ngày chấm dứt Hợp đồng và hai bên cùng tiến hành thủ tục thanh lý Hợp đồng đặt hàng. Mọi thiệt hại do bên B đơn phương chấm dứt Hợp đồng gây ra bên B phải chịu trách nhiệm bồi thường;

e) Đối với trường hợp có kết quả trúng thầu tuyển xe buýt:

- Trường hợp bên B không trúng thầu: bên A sẽ thông báo cho bên B biết và bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện Hợp đồng cho đến khi đơn vị trúng thầu đảm nhận thực hiện; bên A sẽ tiến hành nghiệm thu và thanh quyết toán cho bên B sau 15 ngày làm việc kể từ ngày chấm dứt Hợp đồng và hai bên cùng tiến hành thủ tục thanh lý Hợp đồng đặt hàng;

- Trường hợp bên B trúng thầu: bên B tiếp tục thực hiện Hợp đồng cho đến khi ký Hợp đồng thực hiện; bên A sẽ tiến hành nghiệm thu và thanh quyết toán cho bên B sau 15 ngày làm việc kể từ ngày chấm dứt Hợp đồng và hai bên cùng tiến hành thủ tục thanh lý Hợp đồng đặt hàng;

f) Trong trường hợp Sở GTVT ban hành Quyết định đặt hàng tuyển thông qua doanh nghiệp khác: bên A sẽ thông báo cho bên B biết và bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện Hợp đồng cho đến khi đơn vị khác đảm nhận thực hiện; bên A sẽ tiến hành nghiệm thu và thanh quyết toán cho bên B sau 15 ngày làm việc kể từ ngày chấm dứt Hợp đồng và hai bên cùng tiến hành thủ tục thanh lý Hợp đồng đặt hàng;

g) Trong các trường hợp thanh lý Hợp đồng nêu trên chưa có đơn giá chính thức của UBND thành phố ban hành, thì thời hạn thanh lý Hợp đồng là sau ngày có Quyết định đơn giá chính thức của UBND thành phố, sau đó bên A sẽ tiến hành thanh toán cho bên B.

Điều 13. Điều khoản thi hành

1. Hiệu lực thi hành: Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và được áp dụng từ ngày đến hết ngày

2. Giải quyết tranh chấp:

Hai bên cam kết thực hiện các điều khoản ghi trong Hợp đồng này. Trong quá trình thực hiện nếu có những vướng mắc phát sinh hai bên sẽ cùng bàn bạc giải quyết và được thể hiện

bằng phụ lục Hợp đồng. Nếu có những hành vi vi phạm phát sinh chưa được thể hiện trong nội dung Hợp đồng và phụ lục hợp đồng thì hai bên sẽ cùng bàn bạc, xử lý theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Khi có tranh chấp xảy ra, hai bên sẽ tiến hành thỏa thuận theo tinh thần hợp tác, tôn trọng lẫn nhau có tính đến quyền và lợi ích hợp pháp của các bên, trường hợp không thành thì do Sở GTVT chủ trì để giải quyết tranh chấp. Trường hợp không chấp nhận kết quả hòa giải hai bên thì sẽ tiến hành khởi kiện ra Tòa kinh tế xét xử. Bản án có hiệu lực pháp luật là cơ sở pháp lý cuối cùng để hai bên có trách nhiệm thi hành.

Hợp đồng này được lập thành 08 bản có giá trị như nhau, bên A giữ 06 bản, bên B giữ 02 bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN B

ĐẠI DIỆN BÊN A
GIÁM ĐỐC